

Bản tin Phân tích kỹ thuật

10/02/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G2000 thu hút hoạt động mua khi giảm về khu vực 1.930 điểm. Đáng chú ý, hoạt động từ lực cầu giúp thu hẹp hoàn toàn đà giảm trong phiên và thiết lập tín hiệu mua. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 1.964 điểm với mục tiêu là vùng 1.980 điểm, dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.959 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.964 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.980 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.959 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Trung tính	Trung tính

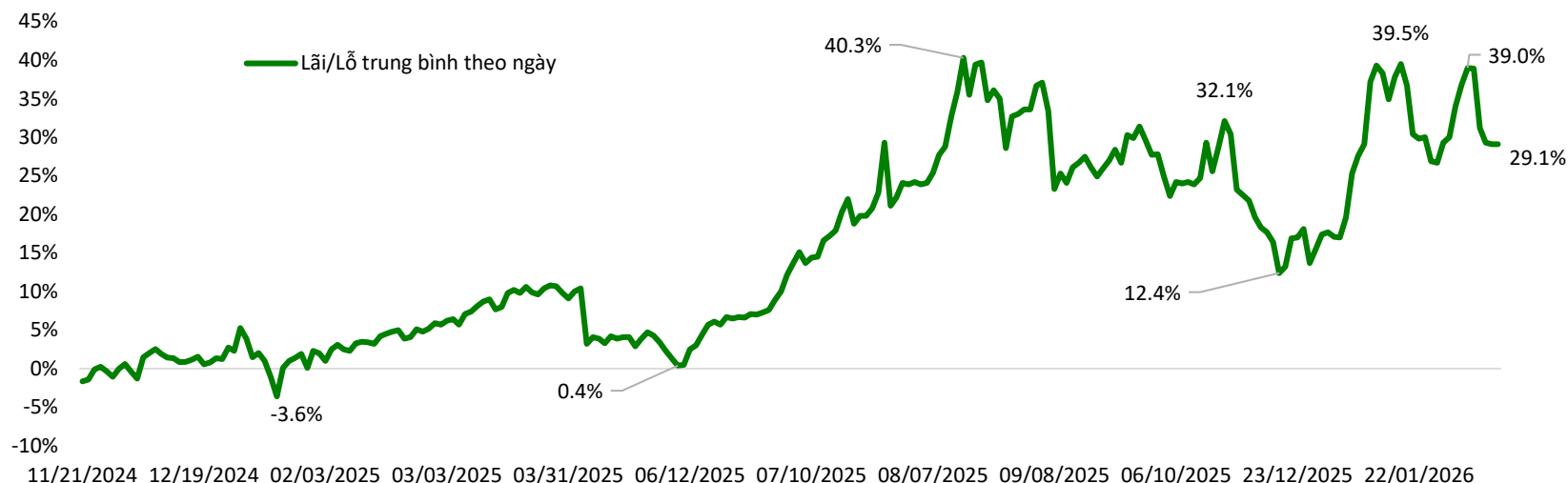


Nguồn: Vietcap

- VN-Index dao động mạnh trong phiên và giảm nhẹ về cuối ngày. Mức giá cao đầu ngày thu hút hoạt động bán trên phần lớn cổ phiếu sàn HOSE nhưng áp lực không đột biến. VN30-Index diễn biến tương đồng và cả hai chỉ số chưa thoát khỏi mức Tiêu cực trong ngắn hạn.
- Tại mức giá cao đầu ngày trên VN-Index, áp lực bán gia tăng trên diện rộng nhóm Dầu khí, Tiêu dùng, CNTT, DV Tiện ích, Bảo hiểm, Vật liệu. Ở nhóm Ngân hàng và Bất động sản, áp lực bán tập trung theo mã, không dàn trải. Về phía hoạt động mua, quanh khu vực giá thấp, lực cầu xuất hiện riêng lẻ, không phân tán diện rộng và cũng chưa thu hẹp hoàn toàn đà giảm tạo ra từ áp lực bán đầu phiên, ngoại trừ nhóm Chứng khoán.
- Lực cung hiện diện từ vùng giá cao cho thấy VN-Index vẫn chịu áp lực điều chỉnh. Tuy nhiên, mức thanh khoản không tăng đột biến thể hiện áp lực bán được tiết chế. Đáng chú ý, xuất hiện động thái từ lực cầu giá thấp trên một vài cổ phiếu riêng lẻ. Dựa trên tín hiệu hiện tại, chúng tôi cho rằng VN-Index sẽ dao động trong biên độ 1.720-1.780 (+/-10) điểm trong thời gian tới với mục đích cân bằng hoạt động bán ngắn hạn, vận động lực cầu giá thấp và thiết lập đáy quanh khu vực này. Khuyến nghị mở trạng thái thăm dò trên các vị thế ngắn hạn khi VN-Index tiếp cận khu vực cận dưới biên độ quanh 1.720 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
MBB	09/01/2026		Đang mở	27,850	26,700	4.3%	25,500	29,500	27,000	
STB	29/01/2026		Đang mở	59,500	62,600	-5.0%	58,400	70,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	141,500	6.95%	8.26%	1,090,403	6.579	1,739	7.4	81.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	101,300	6.63%	4.11%	416,081	2.394	10,008	1.8	10.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	47,100	-6.92%	-12.94%	330,706	-1.985	4,279	2.0	11.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GAS	107,700	-6.91%	-7.95%	259,875	-1.559	4,730	3.9	22.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VCB	63,100	-2.92%	-12.12%	527,243	-1.337	4,210	2.3	15.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	35,950	-6.99%	-16.00%	143,800	-0.872	1,406	2.5	25.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BSR	23,100	-6.29%	-3.35%	115,669	-0.631	1,036	1.9	22.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCK	45,650	6.91%	-0.22%	69,471	0.416	2,742	2.4	16.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	53,300	-6.98%	-11.17%	67,723	-0.410	2,122	2.6	25.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	150,000	-1.51%	-3.60%	194,169	-0.254	5,523	10.8	27.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPL	84,500	1.81%	-2.54%	151,534	0.238	631	4.1	133.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	68,400	-1.72%	-4.47%	142,953	-0.214	4,503	4.7	15.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	27,850	0.91%	0.54%	224,332	0.176	3,325	1.7	8.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FPT	97,800	-1.21%	-5.87%	166,603	-0.175	5,511	4.6	17.7	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MSN	76,800	-1.79%	-8.35%	111,046	-0.172	2,710	3.1	28.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

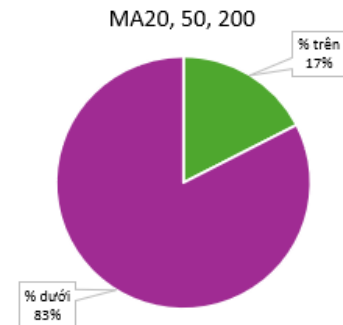
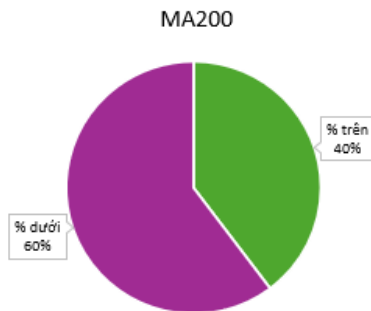
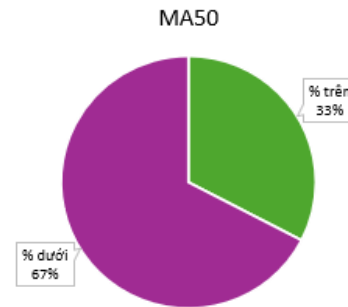
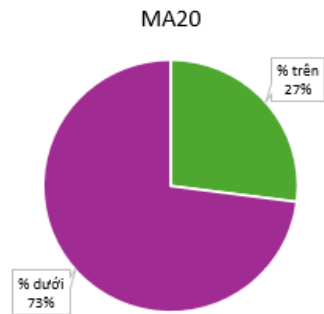
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	163,000	-6.38%	-16.84%	32,600	-0.929	10,115	6.3	16.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PVS	42,200	-8.06%	-9.64%	21,582	-0.777	3,560	1.4	11.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	11,900	1.71%	-4.80%	22,903	0.175	0	1.7	202,091.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	86,000	-1.71%	-6.01%	20,145	-0.154	4,695	2.5	18.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	45,300	-1.52%	-12.55%	17,191	-0.117	5,090	2.7	8.9	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Tích cực
PLC	29,600	-9.76%	-20.22%	2,392	-0.104	168	2.0	176.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BAB	11,600	-1.69%	-4.64%	12,437	-0.094	1,141	0.9	10.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
KSF	82,000	-0.24%	-3.76%	73,783	-0.080	17,478	4.2	4.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCS	43,500	-2.25%	-2.03%	6,960	-0.070	4,340	1.4	10.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
MBS	25,900	0.78%	-2.26%	17,283	0.060	1,886	2.2	13.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	104,900	-7.41%	-22.01%	322,635	-0.254	3,063	7.9	34.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	76,000	-7.99%	-19.83%	57,028	-0.048	4,627	5.2	16.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MVN	62,800	-2.94%	-9.64%	76,515	-0.024	1,624	5.4	39.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	32,500	-5.52%	-14.47%	36,193	-0.021	10	3.0	3,203.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OIL	15,400	-8.33%	-13.48%	16,102	-0.014	412	1.5	37.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	53,700	-0.56%	-4.28%	192,625	-0.011	3,026	2.8	17.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCR	32,100	-10.83%	-17.69%	6,798	-0.008	-368	4.5	-87.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAP	23,300	-12.41%	-11.74%	5,514	-0.007	-2,175	2.8	-10.9	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MML	36,300	-3.97%	-9.25%	12,564	-0.005	1,693	2.5	21.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SIG	20,000	-4.76%	-1.96%	10,089	-0.005	2,730	1.3	8.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NAF	43,500	3.3%	32.3	28.8	16,273	42,500	3.7	20.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	96,600	1.4%	7.8	13.3	14,748	95,300	3.2	6.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BIG	7,000	9.4%	8.7	1.6	3,774	6,600	1.1	3.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			10/2/2026	09/02/2026	06/2/2026	05/02/2026	04/02/2026	03/02/2026	02/02/2026	30/01/2026	29/01/2026	28/01/2026	27/01/2026
VNINDEX	MA200	Trên	41%	40%	41%	46%	47%	47%	46%	48%	46%	46%	46%
		Dưới	59%	60%	59%	54%	53%	53%	54%	52%	54%	54%	54%
	MA50	Trên	35%	38%	37%	45%	49%	46%	44%	44%	44%	39%	41%
		Dưới	65%	62%	63%	55%	51%	54%	56%	56%	56%	61%	59%
	MA20	Trên	24%	26%	26%	38%	48%	45%	41%	44%	44%	35%	37%
		Dưới	76%	74%	74%	62%	52%	55%	59%	56%	56%	65%	63%
VN30	MA200	Trên	77%	73%	77%	73%	77%	83%	83%	90%	83%	87%	90%
		Dưới	23%	27%	23%	27%	23%	17%	17%	10%	17%	13%	10%
	MA50	Trên	27%	40%	37%	57%	57%	53%	53%	60%	57%	50%	63%
		Dưới	73%	60%	63%	43%	43%	47%	47%	40%	43%	50%	37%
	MA20	Trên	10%	13%	20%	27%	47%	47%	47%	43%	43%	37%	43%
		Dưới	90%	87%	80%	73%	53%	53%	53%	57%	57%	63%	57%
HNX	MA200	Trên	35%	36%	36%	39%	41%	41%	40%	40%	42%	43%	43%
		Dưới	65%	64%	64%	61%	59%	59%	60%	60%	58%	57%	57%
	MA50	Trên	34%	36%	34%	38%	41%	41%	37%	38%	41%	37%	38%
		Dưới	66%	64%	66%	62%	59%	59%	63%	62%	59%	63%	62%
	MA20	Trên	35%	36%	36%	39%	41%	41%	40%	40%	42%	43%	43%
		Dưới	65%	64%	64%	61%	59%	59%	60%	60%	58%	57%	57%
UPCOM	MA200	Trên	28%	30%	29%	34%	36%	36%	35%	36%	35%	32%	34%
		Dưới	72%	70%	71%	66%	64%	64%	65%	64%	65%	68%	66%
	MA50	Trên	32%	34%	35%	38%	39%	39%	39%	39%	37%	35%	37%
		Dưới	68%	66%	65%	62%	61%	61%	61%	61%	63%	65%	63%
	MA20	Trên	41%	42%	43%	45%	46%	46%	44%	45%	44%	43%	43%
		Dưới	59%	58%	57%	55%	54%	54%	56%	55%	56%	57%	57%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành		Tháng 2										Tháng 1									
		10	09	06	05	04	03	02	30	29	28	27	26	23	22	21	20	19	16	15	14
1	Dầu khí	82	85	85	89	91	92	91	90	90	89	88	87	88	91	90	90	91	91	91	92
2	Bán lẻ	75	78	80	86	87	86	82	75	71	69	65	70	79	82	82	83	84	77	74	74
3	Truyền thông	66	-	-	-	-	68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Bảo hiểm	65	70	74	79	72	64	58	59	59	60	60	68	75	84	84	83	84	84	77	73
5	Hàng cá nhân & Gia ...	62	69	73	80	80	78	72	70	67	64	64	73	78	75	74	83	83	81	81	76
6	Điện, nước & xăng d...	60	63	63	68	69	70	66	66	66	64	66	68	71	73	72	72	74	71	70	72
7	Hóa chất	60	64	67	73	73	69	65	65	64	64	66	69	71	71	69	71	71	71	71	66
8	Thực phẩm và đồ uố...	59	62	63	69	71	70	67	65	64	62	61	62	65	66	66	66	65	65	64	61
9	Tài nguyên Cơ bản	57	59	65	69	69	64	65	64	60	56	53	58	61	60	60	61	61	63	58	54
10	Hàng & Dịch vụ Côn...	55	60	63	66	70	66	60	51	51	53	54	58	66	70	73	72	69	70	66	62
11	Công nghệ Thông tin	54	56	55	61	69	69	71	75	75	58	59	62	72	74	75	75	85	81	73	69
12	Viễn thông	52	60	65	71	73	70	72	73	74	76	73	76	80	84	86	91	92	-	-	-
13	Xây dựng và Vật liệu	51	49	50	54	55	52	50	46	45	46	44	45	45	46	47	52	53	49	48	48
14	Ô tô và phụ tùng	46	46	50	55	53	51	47	43	43	43	41	41	49	48	50	56	57	55	52	48
15	Y tế	43	52	51	52	54	54	62	62	62	74	73	73	72	74	69	74	-	-	-	-
16	Ngân hàng	40	42	46	49	53	52	57	52	52	57	59	63	62	64	65	69	68	66	68	70
17	Dịch vụ tài chính	32	33	39	44	48	44	43	36	35	35	37	42	42	41	44	52	54	55	53	53
18	Du lịch và Giải trí	31	32	35	41	41	42	43	45	44	45	55	58	57	55	56	57	60	64	65	63
19	Bất động sản	28	26	29	31	32	33	33	28	27	28	32	36	38	38	37	34	32	31	31	32

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DCM	39,000	-2.3%	3.7%	20,647	1.9	10.8	3,618	180.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	59,100	0.9%	8.0%	18,915	3.6	48.2	1,227	122.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPM	25,100	-1.0%	1.6%	17,066	1.5	15.9	1,579	173.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TIN	100,000	3.2%	0.2%	9,273	4.6	8.7	11,764	7.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MPC	17,700	2.3%	4.1%	7,029	1.3	13.2	1,330	7.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PAN	31,200	2.1%	-0.6%	6,518	1.2	9.7	3,218	73.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DPG	45,300	0.8%	3.0%	4,566	2.1	14.0	3,241	41.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DCL	57,700	0.0%	1.6%	4,214	2.8	215.9	267	14.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BFC	52,900	-0.8%	7.7%	3,024	2.2	9.8	5,421	7.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	43,500	3.3%	7.4%	2,661	3.7	20.7	2,105	32.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TV2	37,900	1.1%	-0.5%	2,559	1.9	27.1	1,399	25.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VVS	96,600	1.4%	12.2%	2,079	3.2	6.4	15,160	7.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BIG	7,000	9.4%	29.6%	215	1.1	3.1	2,245	8.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	27,850	0.9%	0.5%	224,332	1.7	8.4	3,325	1,441.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GMD	71,000	-0.4%	-2.6%	30,281	2.3	17.8	3,986	144.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	32,450	-4.6%	-1.7%	18,038	1.1	17.4	1,866	405.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
QNS	48,800	-0.6%	0.6%	18,013	1.7	9.4	5,231	15.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	37,000	0.0%	-5.1%	3,574	1.6	9.1	4,068	25.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	13,300	0.8%	-0.7%	1,151	1.2	22.4	595	5.9	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VSC	22,650	1.3%	2.0%	8,479	1.6	24.7	915	243.9	Tích cực	6.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIB	16,500	-1.2%	-5.4%	56,166	1.2	7.7	2,143	81.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OCB	11,400	-0.4%	-3.4%	30,359	0.9	7.5	1,513	12.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	18,200	0.0%	-5.2%	11,766	1.0	3.0	6,084	65.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	38,000	-0.3%	-0.5%	8,226	3.5	436.7	87	14.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	6,800	-2.0%	-4.4%	3,938	0.6	11.7	581	10.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	53,700	-0.6%	-4.3%	192,625	2.8	17.8	3,026	86.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,000	0.2%	-3.0%	118,143	1.3	7.6	3,042	324.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	26,250	0.6%	-2.8%	81,677	13.6	8.9	2,947	14.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	64,500	0.6%	-12.8%	66,758	2.9	19.1	3,371	52.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VPX	27,600	0.0%	0.2%	51,750	1.5	12.0	2,298	7.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,750	0.0%	-1.5%	47,654	1.2	8.6	1,938	33.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	20,000	-2.4%	-7.0%	37,254	1.4	32.8	610	503.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSB	11,800	-0.4%	-3.3%	36,816	0.9	6.5	1,804	39.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	60,500	-1.5%	-3.5%	32,770	1.6	13.0	4,668	45.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	21,200	1.7%	-6.6%	32,466	1.5	6.0	3,533	511.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	33,550	1.7%	-10.4%	30,275	1.7	20.5	1,635	231.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	17,750	0.6%	-4.1%	27,021	1.3	13.4	1,328	90.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	22,800	-0.4%	-3.0%	24,623	1.7	15.7	1,454	101.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	14,050	0.0%	-0.7%	24,105	1.0	5.8	2,438	16.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	25,900	0.8%	-2.3%	17,283	2.2	13.7	1,886	58.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,800	-2.02%	-4.36%	13,600	100.0%	581	0.6	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	27,500	0.36%	-3.68%	52,100	89.5%	1,805	1.1	15.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	27,600	3.95%	2.79%	48,500	75.7%	943	1.7	29.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	68,000	1.19%	0.15%	118,000	73.5%	7,965	1.7	8.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,500	-2.21%	-3.73%	25,500	64.5%	353	1.2	43.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	14,700	-2.00%	-3.61%	24,000	63.3%	229	1.2	64.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	12,300	0.82%	-4.28%	20,000	62.6%	862	0.6	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	33,550	1.67%	-10.41%	54,000	61.0%	1,635	1.7	20.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,000	0.22%	-2.95%	33,300	44.8%	3,042	1.3	7.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,600	-0.56%	-3.27%	38,000	42.9%	3,024	1.3	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,000	-0.76%	-5.97%	37,000	42.3%	1,907	1.4	13.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SSI	29,950	1.18%	-3.07%	40,800	36.2%	2,028	2.3	14.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HPG	26,550	-0.75%	-0.75%	35,700	34.5%	2,013	1.6	13.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
BWE	44,000	0.34%	-2.22%	58,700	33.4%	4,510	1.6	9.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	48,200	-3.60%	-14.08%	64,100	33.0%	3,130	2.5	15.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	76,800	-1.79%	-8.35%	101,200	31.8%	2,710	3.1	28.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TCB	34,600	-0.43%	-0.29%	44,800	29.5%	3,577	1.4	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
REE	60,500	-1.47%	-3.51%	78,200	29.3%	4,668	1.6	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	18,050	-2.17%	-2.96%	23,100	28.0%	1,726	0.9	10.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
SZC	33,400	-2.34%	-4.71%	42,400	26.9%	1,917	1.9	17.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn